

BÁO CÁO

Kết quả kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 (lần 1)

Thực hiện chế độ báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Tư pháp kết quả kiểm soát TTHC trong năm 2016 (lần 1), cụ thể như sau:

I. Kết quả đạt được

1. Về đánh giá tác động về TTHC:

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định về TTHC, các cơ quan trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến, đánh giá tác động theo đúng quy định của Thông tư số 07/2014/TT-BTP, ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC.

Trong năm 2016, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã nghiêm túc thực hiện việc kiểm soát TTHC theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC. Đối với các văn bản QPPL có quy định về TTHC, các cơ quan trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến, đánh giá tác động theo đúng quy định. Trong năm, có 01 Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản lồng bè tại các thủy vực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có quy định về TTHC đang tiến hành đánh giá tác động theo đúng quy định.

(Kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 01b/BTP/KSTT/KTTH).

2. Về tham gia ý kiến về TTHC quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

Trong năm 2016, có 05 dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC, gồm: Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc giải quyết TTHC về công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh; Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê nhà trên địa bàn tỉnh; Dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Dự thảo Quyết định về việc ban hành hướng dẫn quản lý, cho thuê mặt nước trong phạm vi bảo vệ hồ thủy lợi, hồ thủy điện và đất có mặt nước đối với sông, hồ tự nhiên để nuôi thủy sản lồng bè trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thực hiện lấy ý kiến theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

(Kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 02b/BTP/KTTH).

3. Về tham gia thẩm định về TTHC quy định trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

Trong năm 2016, đã thẩm định 01 dự thảo văn bản QPPL của UBND tỉnh Quy định quản lý, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản lồng bè tại các thủy vực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có quy định về TTHC.

(Kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 03c/BTP/KSTT/KTTH).

4. Về công bố, công khai và nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

a) Kết quả và số lượng TTHC được ban hành, công bố

UBND tỉnh đã ban hành 15 Quyết định công bố ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ đối với các TTHC có liên quan. Theo đó, có **826** TTHC (có 311 TTHC mới, 234 TTHC thay thế, 281 TTHC bãi bỏ) trong 12 lĩnh vực: Nông nghiệp; Công Thương; Tư pháp; Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và truyền thông; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Dân tộc; Ban Quản lý các Khu công nghiệp đã được công bố cụ thể:

- Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 04 TTHC mới).

- Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 17 TTHC mới ban hành; thay thế 06 TTHC; bãi bỏ 03 TTHC).

- Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (công bố 35 TTHC mới ban hành; thay thế 84 TTHC; bãi bỏ 66 TTHC).

- Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 07 TTHC mới ban hành; thay thế 26 TTHC; bãi bỏ 09 TTHC).

- Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 03 TTHC mới).

- Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 01 TTHC mới).

- Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (công bố 35 TTHC mới ban hành; thay thế 39 TTHC; bãi bỏ 73 TTHC).

- Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 12 TTHC mới ban hành; bãi bỏ 11 TTHC).

- Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (công bố 14 TTHC mới ban hành; thay thế 17 TTHC; bãi bỏ 11 TTHC).

- Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk (công bố 37 TTHC mới ban hành; thay thế 26 TTHC; bãi bỏ 08 TTHC).

- Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ (công bố 62 TTHC mới ban hành; bãi bỏ 62 TTHC).

- Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (công bố 15 TTHC mới ban hành; thay thế 06 TTHC; bãi bỏ 19 TTHC).

- Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ (công bố 27 TTHC mới ban hành; thay thế 27 TTHC; bãi bỏ 18 TTHC).

- Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công bố 42 TTHC mới).

- Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk (thay thế 03 TTHC; bãi bỏ 01 TTHC).

(kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH)

b) Tình hình công khai và cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

Các bộ TTHC được công bố đều đã được các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh niêm yết công khai tại trụ sở làm việc trên các trang Web của các cơ quan, đơn vị, đồng thời đã được Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải trên trang Web của UBND tỉnh tại địa chỉ: <http://daklak.gov.vn/>.

Đối với việc cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia (theo quy định tại Thông tư số 19/2014/TT-BTP), ngay từ cuối năm 2015, UBND tỉnh đã xác định nhiệm vụ nhập bổ sung bộ phận cấu thành của TTHC trong Kế hoạch kiểm soát TTHC của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 22/12/2015. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp đã xây dựng Kế hoạch đăng nhập TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia năm 2016 (ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-STP ngày 11/01/2016). Theo kế hoạch này, trong năm 2016, Sở Tư pháp đã tiến hành đăng nhập 661 TTHC, và có văn bản đề nghị Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC:

Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC. Ngay từ đầu năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2016 (ban hành kèm theo Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 28/01/2016). Theo Kế hoạch, tất cả các cơ

quan, đơn vị có thực hiện TTHC (20 cơ quan, đơn vị) đều có trách nhiệm triển khai thực hiện rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của cơ quan, đơn vị mình; bên cạnh đó, UBND tỉnh còn yêu cầu Sở Tư pháp rà soát trọng tâm thêm đối với TTHC của 03 lĩnh vực gồm Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư.

Về phương án đơn giản hóa TTHC:

- Đối với TTHC trong các lĩnh vực có **34** phương án đơn giản hóa (*Tư pháp: 06 phương án đơn giản hóa; Kế hoạch và Đầu tư: 07 phương án đơn giản hóa; Giao thông vận tải: 15 phương án đơn giản hóa; Tài nguyên và Môi trường: 06 phương án đơn giản hóa*) được đề xuất. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ ban hành Quyết định để thông qua phương án đơn giản hóa theo quy định và đề nghị các Bộ liên quan xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL có liên quan như được đề cập trong Quyết định của UBND tỉnh thông qua Phương án đơn giản hóa cho phù hợp.

(Kết quả chi tiết được thể hiện tại Biểu số 05b/BTP/KSTT/KTTH)

6. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC:

Trong năm 2016, các Sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết tổng số **1.157.840** hồ sơ, trong đó, số hồ sơ đã được giải quyết là **1.137.999** hồ sơ TTHC, hồ sơ đang giải quyết là **19.841** hồ sơ.

(Kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 07đ/BTP/KSTT/KTTH).

7. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Đối với nội dung này, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương tăng cường công tác công khai, niêm yết, thông báo rộng rãi địa chỉ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính đến người dân, doanh nghiệp để biết và liên hệ; đặc biệt, Sở Tư pháp cũng đã công khai số điện thoại, địa chỉ email tại trang Web của Sở để người dân phản ánh, kiến nghị về các quy định có liên quan đến TTHC.

Ngay từ cuối năm 2015, UBND tỉnh đã xác định nhiệm vụ khảo sát những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2016 trong Kế hoạch kiểm soát TTHC của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 22/12/2015. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp đã xây dựng Kế hoạch số 148/KH-STP ngày 10/3/2016 để triển khai thực hiện. Theo kế hoạch này, Sở Tư pháp đã trực tiếp tiến hành khảo sát tại 06 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh với 68 phiếu khảo sát, đồng thời tham mưu giải quyết đối với 01 phản ánh về TTHC liên quan đến lĩnh vực đất đai; ngoài ra Sở Xây dựng cũng tiếp nhận

8 kiến nghị, tuy nhiên qua kiểm tra thì chỉ có 01 kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết (đã được giải quyết xong), 07 kiến nghị không thuộc thẩm quyền đã chuyển cho các cơ quan liên quan (*kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 06b/BTP/KSTT/KTTH*).

8. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Như đã đề cập ở trên đây, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan nghiêm túc, công khai các TTHC tại các trụ sở làm việc, trên các trang Web của các cơ quan, đơn vị, địa chỉ để người dân, doanh nghiệp tra cứu, áp dụng về TTHC, đồng thời đã được Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải trên trang Web của UBND tỉnh tại địa chỉ: <http://daklak.gov.vn/>.

Riêng đối với Sở Tư pháp, trong năm 2016 đã xây dựng Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC (ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-STP ngày 11/01/2016), theo Kế hoạch, Sở Tư pháp tăng cường hoạt động truyền thông về công tác kiểm soát TTHC, như: Mở chuyên mục “Tìm hiểu thủ tục hành chính” với nhiều tin, bài liên quan đến công tác kiểm soát TTHC trên Bản tin Tư pháp Đắk Lắk và duy trì mục “Phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính” trong chuyên mục TTHC nhằm tạo điều kiện cho người dân dễ tiếp cận, phản ánh khi có nhu cầu. Ngoài ra, Sở Tư pháp còn thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu để hệ thống hóa các TTHC để cá nhân, tổ chức có liên quan khai thác trực tuyến về TTHC; duy trì mục “ý kiến của công dân” trên trang Web của Sở.

9. Nhiệm vụ khác

a) *Đối với nhiệm vụ “kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính”*

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2016. Để thực hiện Kế hoạch kiểm tra của tỉnh, Sở Tư pháp đã tiến hành kiểm tra trực tiếp tại 09¹ cơ quan, đơn vị và kiểm tra gián tiếp thông qua báo cáo tại 30² cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã kịp thời nắm

¹ *Cấp tỉnh: có Sở Tài nguyên và Môi trường; cấp huyện có: UBND huyện Cư Kuin, UBND huyện Krông Búk, UBND huyện Krông Pắc; cấp xã có: UBND xã Ea B'hôk – huyện Cư Kuin, UBND thị trấn Phước An – huyện Krông Pắc, UBND xã Cư Né – huyện Krông Búk, UBND phường Thành Nhất, UBND phường Tân An - thành phố Buôn Ma Thuột.*

² *Cấp tỉnh: có Sở Công Thương; Sở Giao thông Vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thanh tra tỉnh; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Ban Dân tộc tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Cục Thi hành án Dân sự tỉnh. Cấp huyện có: UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thị xã Buôn Hồ và các huyện Buôn Đôn; Cư M'gar; Ea H'leo; Ea Kar; Ea Súp; Krông Ana; Krông Bông; Krông Năng; Lắk; M'Đrắk.*

bất tình hình và có văn bản chỉ đạo chấn chỉnh thực hiện tốt hơn công tác Kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

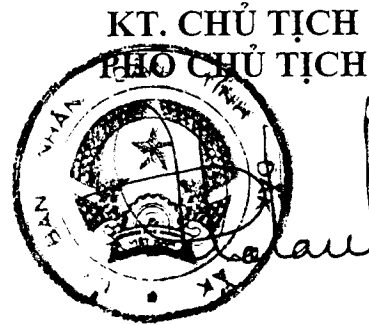
b) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC

Trong năm 2016, đã tham mưu tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho khoảng 100 cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành ở tỉnh, UBND cấp huyện và UBND các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm soát TTHC năm 2016 (lần 1) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. /./>

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC (N_17)



Võ Văn Cảnh



Biểu số 01b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP
ngày 07/02/2014.

Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
TẠI TỈNH ĐẮK LẮK**

Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: TTHC, Văn bản

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên văn bản QPPL				Phân loại về nội dung		
				Quyết định của UBND		Chỉ thị của UBND		Số TTHC dự kiến/ được quy định mới	Số TTHC dự kiến/ được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC dự kiến/ được bãi bỏ, hủy bỏ
		Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL			
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Kết quả đánh giá tác động TTHC trong Dự thảo văn bản QPPL									
	Tổng số	3	1	3	1	0	0	3	0	0
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	1	3	1	0	0	3	0	0
II	Số văn bản QPPL có quy định về TTHC được ban hành									
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo:

Mục I: Cột 1: 1 TTHC; Cột 2: 0 VBQPPL

Mục II: Cột 1: 0 TTHC; Cột 2: 0 VBQPPL

Biểu số 026/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-
BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ THAM GIA Ý KIẾN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(TTHC) QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
TẠI TỈNH ĐẮK LẮK**

Đơn vị báo cáo:
UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TT)

Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 11 tháng 1 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Chỉ thị của UBND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	10	5	10	5	0	0
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	1	3	1	0	0
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	2	5	2	0	0
3	Sở Ngoại vụ	1	1	1	1	0	0
4	Sở Xây dựng	1	1	1	1	0	0

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo:
Cột 1: 2 TTHC ; Cột 2: 1 VBQPPL

Biểu số 03c/BTP/KSTT/KTTH
 Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-
 BTP ngày 07/02/2014.
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG
 CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI TỈNH ĐẮK LẮK**
 Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)
 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

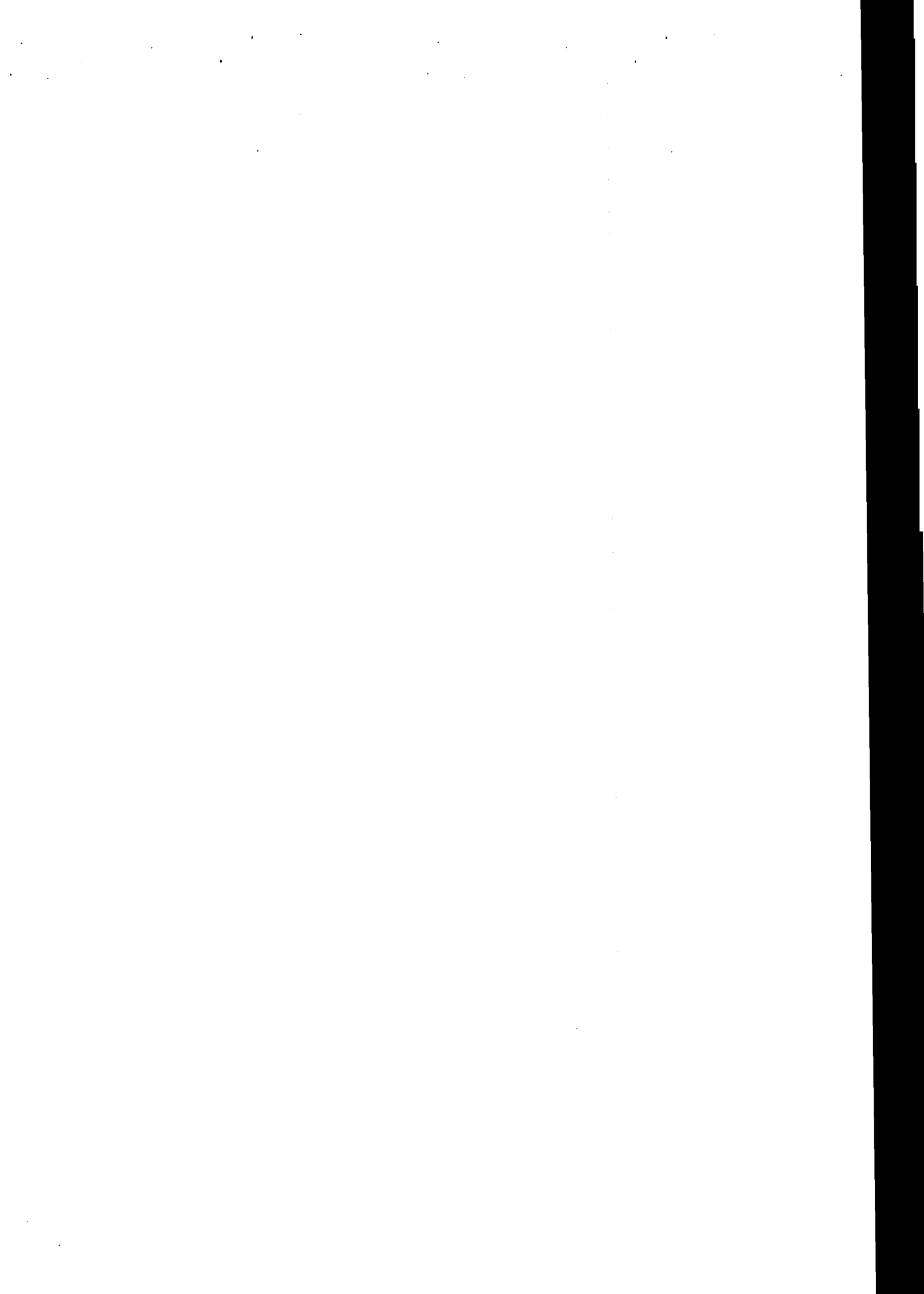
Đơn vị báo cáo:
 UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát T.

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
		Số TTHC	Số VB QPPL	Dự thảo Quyết định		Dự thảo Chỉ thị	
				Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
<i>A</i>		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	3	1	3	1	0	0
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	1	3	1	0	0

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo:
 Cột 1: 1 TTHC; Cột 2: 0 VBQPPL



Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP
ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,
CÔNG KHAI TẠI TỈNH ĐẮK LẮK**
Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản.

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/ không công khai			
			Số VBQPPL	Tổng số	Số TTHC				VBQPPL		TTHC	
					Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ		Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)	Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	Tổng số	15	0	826	311	234	281	0	0	0	545	281
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02	0	7	7	0	0	0	0	0	7	0
2	Sở Công Thương	01	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0
3	Sở Tư pháp	03	0	253	59	116	78	0	0	0	175	78
4	Sở Giao thông vận tải	01	0	147	35	39	73	0	0	0	74	73
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	0	23	12	0	11	0	0	0	12	11
6	Sở Thông tin và Truyền thông	01	0	42	14	17	11	0	0	0	31	11
7	Sở Y tế	01	0	71	37	26	8	0	0	0	63	8
8	Sở Khoa học và Công nghệ	01	0	124	62	0	62	0	0	0	62	62

9	Sở Nội vụ	01	0	72	27	27	18	0	0	0	54	18
10	Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch	01	0	42	42	0	0	0	0	0	42	0
11	Ban Dân tộc	01	0	04	0	3	1	0	0	0	3	1
12	Ban Quản lý các KCN	01	0	40	15	6	19	0	0	0	21	19

** Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo:*

Cột 2: 0 VBQPPL ;

Cột 3: 165 TTHC;

Cột 8: 0 VBQPPL ;

Cột 10: 109 TTHC.

Biểu số 05b/BTP/KSTT-KTTH
 Ban hành theo Thông tư số
 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
 Ngày nhận báo cáo (BC):

KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC
TẠI ĐỊA PHƯƠNG
Năm 2016 (lần 1)
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
 UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC).

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát		Phương án rà soát thuộc thẩm quyền					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị					
		Số lượng VB	Số TTHC			Số lượng VB	Số TTHC					
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
	Tổng số											
1	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh											
	Tổng số	0	0	0	0	0	30	166	156	0	10	
1	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tư pháp	0	0	0	0	0	6	10	10	0	0	
2	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Giao thông vận tải	0	0	0	0	0	10	35	35	0	0	
3	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	0	0	7	95	85	0	10	

4	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường	0	0	0	0	0	7	26	26	0	0
II	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của TTgCP										
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Thủ tục/nhóm TT										
2	...										

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm lần 1):
- Mục I: Cột 1: 16 VB.; Cột 2: 142 TTHC; Cột 6: 16 VB; Cột 7: 33 TTHC.

Biểu số 06b/BTP/KSTT/KTTH
 Ban hành theo Thông tư số
 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ
 PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**
 Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)
 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
 UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

I. KẾT QUẢ TIẾP NHẬN PAKN

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo			Thông tin nhận được về kết quả xử lý PAKN			Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính		Đang kiểm tra, phân loại	Đã chuyển xử lý		Đã có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	Chưa có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	
<i>A</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>	<i>(11)</i>
Tổng số	9	7	0	0	9	1	8	9	9	0	0
Tài nguyên môi trường	1	1	0	0	1	0	1	1	1	0	0
Xây dựng	8	7	0	1	8	1	7	8	8	0	0

II. KẾT QUẢ XỬ LÝ PAKN

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN kỳ trước chuyển qua			PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo			
	Tổng số	Chia ra			Thuộc thẩm quyền			Kết quả xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
						Đang xử lý	Đã xử lý xong		Đang xử lý	Đã xử lý xong	Không thuộc thẩm quyền
<i>A</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>	<i>(11)</i>
Tổng số	9	8	0	1	0	0	0	9	1	1	7
Tài nguyên môi trường	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0
Xây dựng	8	7	0	1	0	0	0	8	1	0	7

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo:

Mục I: Cột 1: 0 PAKN; Cột 5: 0 PAKN; Cột 8: 0 PAKN; Cột 11: 0 PAKN.

Mục III: Cột 1: 2 PAKN; Cột 5: 2 PAKN; Cột 8: 2 PAKN; Cột 11: 1 PAKN

Biểu số 07g/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN Đ ĐỘNG TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:
UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Lĩnh vực Thể dục thể thao	3	c1x3	c1 = Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp (Thông tư số 05/2014/TT-BTP)
II	Lĩnh vực Y tế	20	dx20-do cá nhân bổ sung hồ sơ chậm, do kết quả thẩm định chưa đủ điều kiện; do CMND tỉnh khác nên phải xác minh.	d = Nguyên nhân khác (nếu cụ thể)
III	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	25	dx25-do các sở, ngành tham gia ý kiến chậm, các dự án phải thẩm định yếu tố quốc phòng nên thời gian xử lý hồ sơ kéo dài.	d = Nguyên nhân khác (nếu cụ thể)
IV	Lĩnh vực Công nghiệp; Tổng hợp, Kinh tế, Nông nghiệp-Môi trường, Khoa giáo-Văn xã (thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng UBND tỉnh)	7	dx7-do xác minh lại nguồn gốc đất đai; do chờ bổ sung hồ sơ.	d = Nguyên nhân khác (nếu cụ thể)
V	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	81	dx81-do phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt; nhiều hồ sơ đang chờ Bộ Lao động-Thương binh và xã hội giải quyết.	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
VI	Lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch	47	dx47-do cơ chế phối hợp đối chiếu tăng thư giữa công an huyện và tư pháp xã chưa tốt; do thao tác chậm trên phần mềm.	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

VII	Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường	245	dx245-do tranh chấp; xác minh nguồn gốc sử dụng đất không rõ ràng; do phòng chuyên môn xử lý chậm; do hồ sơ không hợp lệ.	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
VIII	Lĩnh vực Xây dựng	146	Dx146-do xác minh hồ sơ; bổ sung hồ sơ; xin ý kiến chỉ đạo cấp trên; do phòng chuyên môn xử lý chậm; do hồ sơ không hợp lệ.	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
IX	Lĩnh vực Tài chính	24	dx24- do phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt.	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

Biểu số 07Đ/BTP/KSTTHC/KTTH

Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày

07/02/2014

Ngày nhận báo cáo (BC):

(Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2016)

Kỳ báo cáo: Năm 2016 (lần 1)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10 /BC-UBND, ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TỈNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH

CHÍNH TÀI ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị báo cáo: Tỉnh Đắk Lắk
 Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Tư pháp
 (Cục Kiểm soát TTHC)

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Tổng số	Số kỳ trước		Số mới tiếp nhận		Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết		Chi chú
			Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	400899	347	400552	395958	393757	2201	4941	4940	1	
I	Sơ Giao thông vận tải	165683	0	165683	165679	165679	0	4	4	0	
1	Vận tải	4550	0	4550	4550	4550	0	0	0	0	
2	Đào tạo sát hạch cấp giấy phép lái xe	160964	0	160964	160964	160964	0	0	0	0	
3	Xe máy chuyên dùng	95	0	95	95	95	0	0	0	0	
4	Quan lý hành lang an toàn đường bộ	52	0	52	48	48	0	4	4	0	
5	Lưu hành đặc biệt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Dùng thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Khiếu nại, tố cáo	22	0	22	22	22	0	0	0	0	
II	Sơ Khoa học và Công nghệ	12160	187	11973	12107	12107	0	53	53	0	
1	QLCN và thông kê KHCN	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
2	Thanh tra khiếu nại tố cáo	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
3	Quan lý khoa học	228	0	228	175	175	0	53	53	0	
4	Quan lý chuyên ngành	16	0	16	16	16	0	0	0	0	
5	Tiền chuẩn Đo lường Chất lượng	11910	187	11723	11910	11910	0	0	0	0	

		5468	14	5454	4734	4734	0	734	734	0
	1	Người có công	14	5170	4450	4450	0	732	732	0
	2	Đầy nghề	0	23	23	23	0	0	0	0
	3	Lao động, TB và XH	0	30	30	30	0	0	0	0
	4	Việc làm - ATLĐ	0	21	21	21	0	0	0	0
	5	Thanh tra	0	25	25	25	0	2	2	0
	6	Bảo trợ xã hội	0	185	185	185	0	0	0	0
	7	Phòng chống TNXH	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Sở Ngoại vụ	147	0	147	147	147	0	0	0	0
	1	Đoàn ra	0	120	120	120	0	0	0	0
	2	Hội nghị, hội thảo quốc tế	0	27	27	27	0	0	0	0
	3	Tiếp nhân và trả kết quả hồ sơ Chứng nhân lành sự, hợp pháp hóa lãnh sự	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	1698	7	1691	1687	1687	0	11	11	0
	1	Nông thôn mới	5	3	3	3	0	2	2	0
	2	Làm nghiệp	0	49	49	49	0	0	0	0
	3	Chăn nuôi và Thú y	0	954	954	954	0	0	0	0
	4	Tùng tơi và bảo vệ thực vật	4	282	282	282	0	4	4	0
	5	Thủy sản	0	0	0	0	0	0	0	0
	6	Thủy lợi	0	23	23	23	0	0	0	0
	7	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	0	381	376	376	0	5	5	0
VI	Ban Quản lý các KCN	15	0	15	15	15	0	0	0	0
	1	Dầu tư	0	1	1	1	0	0	0	0
	2	Quy hoạch xây dựng	0	8	8	8	0	0	0	0
	3	Môi trường	0	5	5	5	0	0	0	0
	4	Lao động	0	1	1	1	0	0	0	0
	5	Xuất nhập khẩu	0	0	0	0	0	0	0	0

VII	Sở Thông tin và Truyền thông	172	0	172	172	172	0	0	0	0
1	Báo chí xuất bản	152	0	152	152	152	0	0	0	0
2	Thanh tra	5	0	5	5	5	0	0	0	0
3	Công nghệ thông tin	7	0	7	7	7	0	0	0	0
4	Bưu chính viễn thông	8	0	8	8	8	0	0	0	0
VIII	Sở Tư pháp	60292	0	60292	60292	60292	0	0	0	0
1	Lý lịch tư pháp	4052	0	4052	4052	4052	0	0	0	0
2	Chứng thực	35686	0	35686	35686	35686	0	0	0	0
3	Bán đấu giá tài sản	288	0	288	288	288	0	0	0	0
4	Bổ trợ tư pháp	35	0	35	35	35	0	0	0	0
										Các thủ tục liên quan gồm: Quan tài viên; Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật; Bổ nhiệm công chứng viên; Chuyển đổi, thành lập văn phòng công chứng; đăng ký danh sách đấu giá viên...
5	Công chứng hợp đồng, giao dịch	18185	0	18185	18185	18185	0	0	0	0
6	Hộ tịch	3	0	3	3	3	0	0	0	0
7	Cấp bản sao về khai sinh, kết hôn.	23	0	23	23	23	0	0	0	0
8	Nuôi con nuôi	1	0	1	1	1	0	0	0	0
9	Thanh tra	3	0	3	3	3	0	0	0	0
10	Trợ giúp pháp lý	2016	0	2016	2016	2016	0	0	0	0
IX	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	547	7	540	544	541	3	3	3	0
1	Văn hóa	499	5	494	499	499	0	0	0	0
2	Thể dục thể thao	4	0	4	4	1	3	0	0	0
3	Du lịch	44	2	42	41	41	0	3	3	0
4	Gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0

		1733	0	1733	1664	1644	20	69	69	0
1	Dược	905	0	905	836	816	20	69	69	0
2	Khám bệnh, chữa bệnh	828	0	828	828	828	0	0	0	0
XI Thanh tra		245	8	237	242	242	0	3	3	0
1	Tiếp công dân	40	0	40	40	40	0	0	0	0
2	Xử lý đơn thư	191	0	191	191	191	0	0	0	0
2	Giai quyết khiếu nại lần đầu	1	0	1	0	0	0	1	1	0
3	Giai quyết khiếu nại lần hai	11	6	5	9	9	0	2	2	0
4	Giai quyết tố cáo	2	2	0	2	2	0	0	0	0
XII Ban Dân tộc		0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Giai quyết khiếu nại lần đầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Giai quyết khiếu nại lần hai	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Giai quyết tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0
XIII Sở Tài nguyên và Môi trường		147208	11	147197	143240	141069	2171	3968	3968	0
	Dặt dặt: giao đất, cho thuê đất...	61	0	61	55	54	1	6	6	0
2	Dăng ký, Cấp giấy CNQSD đất (TC, HGD, CN)	105994	0	105994	102087	99918	2169	3907	3907	0
3	Dăng ký giao dịch bảo đảm	40811	0	40811	40811	40811	0	0	0	0
4	Do đạc và bản đồ	9	0	9	9	9	0	0	0	0
5	Môi trường	169	0	169	156	156	0	13	13	0
6	Khoáng sản	23	0	23	15	15	0	8	8	0
7	Quản lý Tài nguyên nước	61	0	61	42	42	0	19	19	0
8	Khiếu nại, tố cáo	80	11	69	65	64	1	15	15	0
XIV Sở Tài chính		1457	59	1398	1403	1403	0	54	54	0
1	Tài chính ngân sách	1171	59	1112	1128	1128	0	43	43	0
2	Quản lý giá	283	0	283	272	272	0	11	11	0
3	Quản lý tài sản công	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bình giá tài sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Tài chính doanh nghiệp	3	0	3	3	3	0	0	0	0

XV	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	3274	7	3267	3269	3269	0	5	5	0
	1 Đầu tư tại Việt Nam	27	0	27	27	27	0	0	0	0
	2 Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	3 Viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO)	11	0	11	11	11	0	0	0	0
	4 Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	5 Đăng ký doanh nghiệp	3236	7	3229	3231	3231	0	5	5	0
XVI	Sở Nội vụ	426	0	426	402	402	0	24	24	0
	1 Công chức, viên chức	97	0	97	97	97	0	0	0	0
	2 Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	3	0	3	3	3	0	0	0	0
	3 Quản lý nhà nước về hội	19	0	19	15	15	0	4	4	0
	4 Hội, quỹ từ thiện	2	0	2	1	1	0	1	1	0
	5 Thanh tra	54	0	54	52	52	0	2	2	0
	6 Tôn giáo	70	0	70	53	53	0	17	17	0
	7 Thi đua khen thưởng	138	0	138	138	138	0	0	0	0
	8 Văn thư lưu trữ	43	0	43	43	43	0	0	0	0
	9 Xây dựng chính quyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	10 Công tác thanh niên	0	0	0	0	0	0	0	0	0
XVII	Văn phòng UBND tỉnh	374	47	327	361	354	7	13	12	1
	1 Công nghiệp	161	23	138	152	150	2	9	9	0
	2 Khoa giáo - Văn xã	16	2	14	16	15	1	0	0	0
	3 Nông nghiệp - Môi trường	30	4	26	29	28	1	1	0	1
	4 Tổng hợp	80	4	76	80	78	2	0	0	0
	5 Kinh tế	86	14	72	83	82	1	3	3	0
	6 Nội chính	1	0	1	1	1	0	0	0	0

B	quyền giải quyết của UBND cấp huyện	72288	439	71849	70841	70475	366	1447	1447	0
C	TTIC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	684653	227	684426	671200	671072	128	13453	13438	15
	Tổng số	1157840	1013	1156827	1137999	1135304	2695	19841	19825	16

*** Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):*

Cột 3: 231.568